| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - L** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 141/2025/QĐST-DS | *L, ngày 19 tháng 12 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 317, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

Caên cöù Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 305/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP X.**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 L, phường B, Quận 01, Thành phố H.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh A – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP X.

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc X Khu vực Miền Trung Tây Nguyên – Ngân hàng TMCP X (Theo Văn bản uỷ quyền số 03/2024/UQ_EIB).

+ Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Xuân T – Chức vụ: Cán bộ quan hệ khách hàng (Theo Giấy uỷ quyền số 89/2025/EIBĐT/XLN/UQ ngày 10/12/2025).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 06 đường Nguyễn T, thôn 9, xã Đ, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị L đồng ý có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền nợ tính đến ngày 11/12/2025 là 1.036.508.873đồng *(Một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu năm trăm lẻ tám nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng).* Trong đó, nợ gốc là 831.050.026đồng *(Tám trăm ba mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn không trăm hai mươi sáu đồng)*; nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi là 205.458.847đồng *(Hai trăm lẻ năm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng)*. Bà L có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi suất tính từ ngày 12/12/2025 cho đến khi bà L trả xong nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà Nguyễn Thị L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất (diện tích 150m$^2$, thửa đất số 273, tờ bản đồ số 66) tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L nay là xã Đ tỉnh L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; số phát hành CS 202507; số vào sổ cấp GCN: CS16030 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 27/09/2019.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì bà Nguyễn Thị L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X cho đến khi trả nợ xong.

- Về chi phí tố tụng: Tiền xác minh, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã tạm nộp số tiền 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)*. Bà L nhận chịu toàn bộ số tiền này là 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)*, do vậy bà L có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)*.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 21.547.600đồng *(Hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng)* theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 21.227.246đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bốn*

*mươi sáu đồng)* tiền tạm ứng án phí do bà Đoàn Thị Kiều H đã nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007172 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND Khu vực 2 – L;
- Phòng THADS Khu vực 2 – L;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Thanh Hương**